

Số: 01/2025/QĐST-KDTM

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số 14/2025/TLST- KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: số S L, phường L thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V (V1).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A.

Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân doanh nghiệp, theo Văn bản ủy quyền số: 30/UQN-CTQT ngày 28/7/2025 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP V. (Sau đây gọi tắt là V2)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Bà Phạm Thị T - Trưởng bộ phận xử lý nợ.

Địa chỉ liên hệ: Tầng G, tòa nhà V, số G D, phường C, thành phố Hà Nội.

- Ông Trịnh Trung B - Cán bộ xử lý nợ

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà PLAZA, số B Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa

- Bà Lê Thị H - Cán bộ xử lý nợ

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà PLAZA, số B Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần T1.

Địa chỉ trụ sở: G, phố T, phường A, thành phố T (nay là phường Đ), tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P; Sinh năm 1980

Chức vụ: Giám đốc công ty

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. ông Nguyễn Văn P; Sinh năm 1980. CCCD số: 019080000325.

2. bà Nguyễn Thị Ánh N; Sinh năm 1980; CCCD số: 038180007631.

Cùng nơi cư trú: Số nhà A phố C, phường A, thành phố T (nay là phường Đ), tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về tổng số tiền còn nợ: Tính đến ngày 15/10/2025 Công ty cổ phần T1 còn nợ Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay số: CLC2-38367-01 ngày 13/03/2025; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng CLC - 10227-01 ngày 28/12/2023 tổng số tiền là 2.995.999.656 đồng trong đó: nợ gốc còn phải trả: 2.617.527.478 đồng; nợ lãi trong hạn: 26.776.287 đồng; nợ lãi quá hạn: 351.695.891 đồng.

* Về phương án trả nợ: Công ty cổ phần T1 cam kết thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP V theo các kỳ cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Chậm nhất vào ngày 25/01/2026: Công ty cổ phần T1 cho Ngân hàng 20.000.000đ tiền nợ gốc.

- Kỳ 2: Chậm nhất vào ngày 25/02/2026: Công ty cổ phần T1 cho Ngân hàng 20.000.000đ tiền nợ gốc.

- Kỳ 3: Chậm nhất vào ngày 25/3/2026: Công ty cổ phần T1 cho Ngân hàng 20.000.000đ tiền nợ gốc.

- Kỳ 4: Chậm nhất vào ngày 25/4/2026: Công ty cổ phần T1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn lại là 2.935.999.656 đồng trong đó: tiền gốc 2.557.527.478 đồng, nợ lãi trong hạn: 26.776.287 đồng; nợ lãi quá hạn: 351.695.891 đồng.

Kể từ ngày 16/10/2025, Công ty cổ phần T1 còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi xuất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: CLC2-38367-01 ngày 13/03/2025; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng CLC - 10227-01 ngày 28/12/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trong trường hợp Công ty cổ phần T1 vi phạm bất kỳ thời hạn trả nợ nào nêu trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành ngay và buộc Công ty cổ phần T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản vay kể cả những kỳ chưa đến hạn.

Trường hợp Công ty cổ phần T1 thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Ánh N có nghĩa vụ trả nợ thay cho khoản vay của Công ty cổ phần T1 tại V2.

Trường hợp bị đơn Công ty cổ phần T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, thu giữ, kê biên, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng khác của ông Nguyễn Văn P theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-

18721/23/SME/BLCN-02 ký ngày 28/12/2023, bà Nguyễn Thị Ánh N theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-18721/23/SME/BLCN-01 ký ngày 28/12/2023 và Công ty cổ phần T1 để thu hồi khoản nợ Công ty cổ phần T1 tại V2.

* Về án phí: Công ty cổ phần T1 chịu toàn bộ án phí KDTM là 45.960.000 đồng (làm tròn số).

Ngân hàng TMCP V được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 45.959.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/25E/0002350 ngày 29/10/2025 Ngân hàng đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND KV 1- Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Anh